

# **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

**Báo cáo tài chính đã được soát xét**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2020**

# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
3	Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 32

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200228141 ngày 28/10/2005, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Công ty đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000020 ngày 27/09/2001 có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/04/2013 với số đăng ký là 30221000429.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 16/12/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MDF. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán MDF là 25/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 551.135.950.000 đồng.

Vốn thực góp tại ngày 30/06/2020 là 551.135.950.000 đồng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200228141 ngày 23/05/2016 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻt bện. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo; gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán, phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng; Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ, xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán. Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

#### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong 6 tháng đầu năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch hội đồng quản trị	
Ông Đỗ Hữu Phước	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Văn Lưu	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 27/6/2020
Ông Cao Thanh Nam	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Đoàn Kim Chung	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 27/6/2020
Ông Nguyễn Chơn Biên	Thành viên hội đồng quản trị	Bầu bổ sung ngày 27/6/2020
Ông Huỳnh Duy Hiền	Thành viên hội đồng quản trị	Bầu bổ sung ngày 27/6/2020

##### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm**

Ông Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Mai	Phó Tổng Giám đốc

##### **Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm**

Ông Lê Chiến Sỹ	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/6/2020
Ông Nguyễn Hữu Trung	Thành viên	Bầu bổ sung ngày 27/6/2020

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Cao Thanh Nam, chức vụ Tổng Giám đốc.

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

#### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Cao Thành Nam  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2020





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 038/2020/BCSX-PB.00369

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 7 năm 2020, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**ÔNG THẾ ĐỨC**

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>357.517.016.617</b>	<b>421.746.359.950</b>
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.314.346.203	37.836.077.561
1.	Tiền	111		3.314.346.203	37.836.077.561
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.465.521.166	134.474.297.469
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	116.118.781.359	130.711.410.327
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.918.543.038	4.491.770.336
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.887.544.840	3.730.464.877
4.	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.459.348.071)	(4.459.348.071)
IV.	Hàng tồn kho	140		230.664.354.563	242.320.571.272
1.	Hàng tồn kho	141	5.4	231.650.458.849	243.306.675.558
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(986.104.286)	(986.104.286)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		7.072.794.685	7.115.413.648
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	7.072.794.685	7.085.624.773
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11b	-	29.788.875
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.024.560.820.313</b>	<b>1.049.984.828.369</b>
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.008.381.742.098	1.034.711.047.381
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.006.625.354.406	1.032.580.334.637
	- Nguyên giá	222		1.775.143.714.769	1.773.981.202.795
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(768.518.360.363)	(741.400.868.158)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.756.387.692	2.130.712.744
	- Nguyên giá	228		4.296.355.380	4.296.355.380
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.539.967.688)	(2.165.642.636)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	1.289.563.682	1.105.776.503
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.289.563.682	1.105.776.503
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
1.	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.9	3.000.000.000	3.000.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		11.889.514.533	11.168.004.485
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	11.889.514.533	11.168.004.485
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.382.077.836.930</b>	<b>1.471.731.188.319</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>723.585.162.995</b>	<b>803.714.205.279</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>361.976.516.522</b>	<b>442.105.558.806</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	46.875.658.683	50.958.559.739
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		476.179.289	5.834.021.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11a	10.759.396.755	8.790.942.245
4. Phải trả người lao động	314		2.598.218.120	13.709.507.775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	5.041.487.140	5.617.202.121
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	17.758.208.796	17.352.353.068
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	272.308.381.441	333.634.738.213
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.158.986.298	6.208.234.298
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>361.608.646.473</b>	<b>361.608.646.473</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	361.608.646.473	361.608.646.473
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>658.492.673.935</b>	<b>668.016.983.040</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>658.492.673.935</b>	<b>668.016.983.040</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		551.135.950.000	551.135.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		551.135.950.000	551.135.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.999.994.000	11.999.994.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.837.039.040	93.776.096.773
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.480.309.105)	11.104.942.267
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	118.713.343
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.480.309.105)	10.986.228.924
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.382.077.836.930</b>	<b>1.471.731.188.319</b>



Cao Thanh Nam  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Nguyễn Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	313.279.576.882	451.073.171.199
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.517.617.134	564.721.430
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		311.761.959.748	450.508.449.769
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	262.853.289.411	363.972.015.808
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.908.670.337	86.536.433.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	298.586.835	714.805.241
7. Chi phí tài chính	22	6.5	28.092.806.225	33.443.352.532
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.060.410.832	33.377.472.617
8. Chi phí bán hàng	25	6.6a	21.562.056.905	41.268.280.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6b	5.161.518.955	7.507.599.576
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.609.124.913)	5.032.006.746
11. Thu nhập khác	31		3.628.127.808	-
12. Chi phí khác	32		3.499.312.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		128.815.808	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.480.309.105)	5.032.006.746
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	1.027.659.620
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.480.309.105)	4.004.347.126
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(99)	73
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(99)	73



Gao Thanh Nam  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Nguyễn Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (trực tiếp)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	323.714.178.231	436.173.543.400
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(236.587.675.963)	(378.962.862.059)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(29.349.342.270)	(35.297.382.169)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(28.704.140.822)	(32.614.916.069)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(2.857.633.015)	(4.107.377.230)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	31.185.982.634	42.530.825.627
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(29.191.334.047)	(51.935.362.819)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>28.210.034.748</b>	<b>(24.213.531.319)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.410.521.527)	(9.672.774.871)
2. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.322.304	435.452.501
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.405.199.223)</b>	<b>(9.237.322.370)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền thu từ đi vay	33	235.282.676.680	323.175.376.039
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(296.609.033.452)	(286.356.236.297)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(41.190.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(61.326.356.772)</b>	<b>36.777.949.742</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(34.521.521.247)</b>	<b>3.327.096.053</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>37.836.077.561</b>	<b>12.361.470.489</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(210.111)	(11.042.043)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3.314.346.203</b>	<b>15.677.524.499</b>



**Cao Thanh Nam**  
**Tổng Giám đốc**

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2020

**Nguyễn Mạnh Cường**  
**Kê toán trưởng**

**Cao Duy Hải**  
**Người lập**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

---

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đặc điểm hoạt động**

##### **1.1 Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200228141 ngày 28/10/2005, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Công ty đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000020 ngày 27/09/2001 có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/04/2013 với số đăng ký là 30221000429.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 16/12/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MDF. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán MDF là 25/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 551.135.950.000 đồng.

Vốn thực góp tại ngày 30/06/2020 là 551.135.950.000 đồng.

##### **1.2 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tốt bện. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo; gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán, phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

---

- Chuẩn bị mặt bằng; Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ, xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán. Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

#### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

##### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

##### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

---

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4.6 Tài sản cố định và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải phục vụ quản lý: Công ty áp dụng phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

---

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

#### **4.8 Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **4.9 Ghi nhận doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

---

#### **4.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### **4.11 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

#### **4.12 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

##### **Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.13 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**  
**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	55.778.608	215.915.034
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.258.567.595	37.620.162.527
<b>Cộng</b>	<b>3.314.346.203</b>	<b>37.836.077.561</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan</b>	<b>116.118.781.359</b>	<b>130.711.410.327</b>
- Công ty Cổ Phần WILSON Hòa Bình	14.098.139.922	14.092.423.635
- Công Ty TNHH Chế biến gỗ Phương Trung.	5.718.857.003	14.530.205.004
- Công ty TNHH Bảo Lâm Quảng Trị	6.930.798.425	11.630.214.200
- Công ty TNHH Kim Long Quảng Trị	13.849.570.141	13.336.670.602
- Công Ty TNHH TM DV Và XNK Bảo Lâm	15.599.948.775	10.715.664.530
- Khách hàng khác	59.921.467.093	66.406.232.356
<b>Cộng</b>	<b>116.118.781.359</b>	<b>130.711.410.327</b>

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.887.544.840</b>	<b>53.397.971</b>	<b>3.730.464.877</b>	<b>53.397.971</b>
- Ký cược, ký quỹ	-	-	1.756.822.200	-
- Phải thu khác	555.804.799	53.397.971	574.840.422	53.397.971
- Tạm ứng	1.331.740.041	-	1.398.802.255	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.887.544.840</b>	<b>53.397.971</b>	<b>3.730.464.877</b>	<b>53.397.971</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.744.766.594	-	54.359.248.546	-
Công cụ, dụng cụ	97.516.169.314	-	107.259.580.667	-
Chi phí SXKD DD	2.663.114.217	-	4.225.308.324	-
Thành phẩm	85.705.390.545	(986.104.286)	77.443.545.296	(986.104.286)
Hàng hóa	21.018.179	-	18.992.725	-
<b>Cộng</b>	<b>231.650.458.849</b>	<b>(986.104.286)</b>	<b>243.306.675.558</b>	<b>(986.104.286)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.5 Chi phí trả trước**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>7.072.794.685</b>	<b>7.085.624.773</b>
- Chi phí bảo hiểm	442.182.830	1.673.396.875
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.952.752.606	4.813.319.639
- Các khoản khác	677.859.249	598.908.259
<b>b. Dài hạn</b>	<b>11.889.514.533</b>	<b>11.168.004.485</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	8.836.533.224	7.458.877.540
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	796.239.867	1.278.817.704
- Quyền sử dụng đất	1.668.786.000	1.668.786.000
- Các khoản khác	587.955.442	761.523.241
<b>Cộng</b>	<b>18.962.309.218</b>	<b>18.253.629.258</b>

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2020	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
30/06/2020	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
01/01/2020	212.077.744	1.950.911.638	2.653.254	2.165.642.636
- Khấu hao trong năm	13.738.462	355.280.082	5.306.508	374.325.052
30/06/2020	225.816.206	2.306.191.720	7.959.762	2.539.967.688
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2020	35.912.256	1.687.453.742	407.346.746	2.130.712.744
30/06/2020	22.173.794	1.332.173.660	402.040.238	1.756.387.692

- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2020.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2020	270.251.946.762	1.463.724.604.755	39.112.458.085	892.193.193	-	1.773.981.202.795
- Mua trong kỳ	-	-	1.072.727.273	-	-	1.072.727.273
- Đầu tư XDCB hoàn thành	89.784.701	-	-	-	-	89.784.701
30/06/2020	<u>270.341.731.463</u>	<u>1.463.724.604.755</u>	<u>40.185.185.358</u>	<u>892.193.193</u>	-	<u>1.775.143.714.769</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2020	73.140.679.362	641.950.423.135	25.495.452.853	814.312.808	-	741.400.868.158
- Khấu hao trong kỳ	6.982.071.980	18.680.691.652	1.421.127.504	33.601.069	-	27.117.492.205
30/06/2020	<u>80.122.751.342</u>	<u>660.631.114.787</u>	<u>26.916.580.357</u>	<u>847.913.877</u>	-	<u>768.518.360.363</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2020	<u>197.111.267.400</u>	<u>821.774.181.620</u>	<u>13.617.005.232</u>	<u>77.880.385</u>	-	<u>1.032.580.334.637</u>
30/06/2020	<u>190.218.980.121</u>	<u>803.093.489.968</u>	<u>13.268.605.001</u>	<u>44.279.316</u>	-	<u>1.006.625.354.406</u>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

933.797.725.801 đồng  
478.780.176.715 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.8 Tài sản dở dang**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				-
- Đầu tư LD trồng rừng với ông Anh	25.067.244	25.067.244	25.067.244	25.067.244
- Đầu tư LD trồng rừng với ông Bình	13.564.248	13.564.248	13.564.248	13.564.248
- Rừng xã Húc - Hướng Hóa	17.694.114	17.694.114	17.694.114	17.694.114
- Rừng xã Ba Nang, rừng Tân Hợp	643.338.433	643.338.433	643.338.433	643.338.433
- Sửa chữa các hạng mục tại MDF1	148.332.264	148.332.264	302.657.213	302.657.213
- Sửa chữa các hạng mục tại MDF2	441.567.379	441.567.379	103.455.251	103.455.251
<b>Cộng</b>	<b>1.289.563.682</b>	<b>1.289.563.682</b>	<b>1.105.776.503</b>	<b>1.105.776.503</b>

**5.9 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị, đến thời điểm 30/6/2020 Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị. Do cổ phiếu của Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo đáng tin cậy về giá trị của cổ phiếu này nên Công ty đang ghi nhận giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính theo giá gốc và không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư. Giá trị khoản đầu tư nêu trên ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/6/2020 là 3.000.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.10 Phải trả người bán**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>46.875.658.683</b>	<b>46.875.658.683</b>	<b>50.958.559.739</b>	<b>50.958.559.739</b>
- Công ty CP TD Thiên Minh Đức	2.202.850.780	2.202.850.780	5.702.850.780	5.702.850.780
- Công ty Cổ Phần Hoá Chất Miền Bắc	7.352.412.386	7.352.412.386	7.132.732.250	7.132.732.250
- Cty TNHH hoá chất công nghệ Sam Sung VN	11.453.431.264	11.453.431.264	8.732.176.200	8.732.176.200
- IMAL SRL	-	-	3.074.725.500	3.074.725.500
- Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh	6.370.191.000	6.370.191.000	-	-
- Phải trả khác	19.496.773.253	19.496.773.253	26.316.075.009	26.316.075.009
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>46.875.658.683</b>	<b>46.875.658.683</b>	<b>50.958.559.739</b>	<b>50.958.559.739</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>8.790.942.245</b>	<b>15.250.408.411</b>	<b>13.281.953.901</b>	<b>10.759.396.755</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	5.925.250.834	14.996.658.431	10.162.512.510	10.759.396.755
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.857.633.015	-	2.857.633.015	-
- Thuế thu nhập cá nhân	8.058.396	124.731.362	132.789.758	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	126.018.618	126.018.618	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.790.942.245</b>	<b>15.250.408.411</b>	<b>13.281.953.901</b>	<b>10.759.396.755</b>
	<b>01/01/2020</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã thực nộp</b>	<b>30/06/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>VND</b>
<b>b. Thuế và các khoản phải thu</b>	<b>29.788.875</b>	<b>29.788.875</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Thuế xuất nhập khẩu	29.788.875	29.788.875	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.788.875</b>	<b>29.788.875</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.12 Chi phí phải trả**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.041.487.140</b>	<b>5.617.202.121</b>
- Trích trước lãi vay phải trả	5.041.487.140	5.617.202.121
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.041.487.140</b>	<b>5.617.202.121</b>

**5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>17.758.208.796</b>	<b>17.352.353.068</b>
- Kinh phí công đoàn	156.116.656	58.105.088
- Bảo hiểm xã hội	424.714.506	-
- Bảo hiểm y tế	75.146.715	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	33.310.942	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.068.919.977	17.294.247.980
+ <i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	6.000.000	84.000.000
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	16.616.743.106	16.877.375.636
+ <i>Các khoản khác</i>	446.176.871	332.872.344
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.758.208.796</b>	<b>17.352.353.068</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

TT	Nội dung	Giá trị	30/06/2020	Trong kỳ		01/01/2020	
			Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a.</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>272.308.381.441</b>	<b>272.308.381.441</b>	<b>235.282.676.680</b>	<b>296.609.033.452</b>	<b>333.634.738.213</b>	<b>333.634.738.213</b>
-	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Quảng Trị <sup>(1)</sup>	24.607.198.104	24.607.198.104	26.803.768.304	25.886.731.980	23.690.161.780	23.690.161.780
-	Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Quảng Trị <sup>(2)</sup>	29.597.554.562	29.597.554.562	33.457.554.562	15.530.527.035	11.670.527.035	11.670.527.035
-	Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị <sup>(3)</sup>	193.103.628.775	193.103.628.775	175.021.353.814	218.691.774.437	236.774.049.398	236.774.049.398
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị	25.000.000.000	25.000.000.000		36.500.000.000	61.500.000.000	61.500.000.000
<b>b.</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>361.608.646.473</b>	<b>361.608.646.473</b>	-	-	<b>361.608.646.473</b>	<b>361.608.646.473</b>
-	Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị <sup>(4)</sup>	361.608.646.473	361.608.646.473	-	-	361.608.646.473	361.608.646.473
	<b>Cộng</b>	<b>633.917.027.914</b>	<b>633.917.027.914</b>	<b>235.282.676.680</b>	<b>296.609.033.452</b>	<b>695.243.384.686</b>	<b>695.243.384.686</b>



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

---

#### **5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)**

(1) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng cấp tín dụng số 27638.20.504.771154.TD ngày 29/06/2020 để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 10/06/2021 trong đó thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 6 tháng, lãi suất: quy định cụ thể ở từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo: tín chấp.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng trị theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0406/2020-HĐCVHM/NHCT450-CTMDFQUANGTRI ngày 10/06/2020 để bổ sung vốn lưu động (không thanh toán công cụ dụng cụ) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ván gỗ nhân tạo MDF. Hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 10/06/2020 đến 31/05/2021, trong đó thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 6 tháng, lãi suất cho vay: ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa số 1703/2015/HĐTCHH ngày 17/05/2015 và hợp đồng thế chấp tài sản số 1703/2015/HĐTCQTs ngày 17/05/2015.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 10BB/HĐHM/2019 ngày 25/03/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 10BB.GH01/HĐHM/2019 ngày 19/03/2020. Thời hạn vay cho vay của từng khoản vay tối đa là 6 tháng, hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản và các quyền đòi nợ quy định tại các hợp đồng thế chấp sau: hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 03/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 02/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 04/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 496A/HĐTC/2017 tháng 9/2017, hợp đồng số 496B/HĐTC/2017 tháng 9/2017.

(4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014 để thực hiện đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất MDF tại KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Theo đó tổng hạn mức cho vay là 750 tỷ đồng được đảm bảo bằng quyền Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ nhà xưởng xây dựng và dây chuyền sản xuất máy móc thiết bị đồng bộ của dự án sản xuất gỗ MDF công suất 60.000 m<sup>3</sup>/năm và quyền tài sản hình thành trong tương lai, thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.15 Vốn chủ sở hữu****5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2020</b>	<b>551.135.950.000</b>	<b>11.999.994.000</b>	-	<b>93.776.096.773</b>	-	<b>11.104.942.267</b>	<b>668.016.983.040</b>
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	(5.480.309.105)	(5.480.309.105)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	7.060.942.267	-	-	7.060.942.267
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	(11.104.942.267)	(11.104.942.267)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>30/06/2020</b>	<b>551.135.950.000</b>	<b>11.999.994.000</b>	-	<b>100.837.039.040</b>	-	<b>(5.480.309.105)</b>	<b>658.492.673.935</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 05/NQ-ĐHCĐ.MDFQT ngày 27/6/2020:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	7.060.942.267	đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	4.044.000.000	đồng
Tổng cộng	11.104.942.267	đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam	467.617.480.000	467.617.480.000
- Công ty TNHH MTV cao su Tân Biên	33.671.550.000	33.671.550.000
- Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị	35.555.000.000	35.555.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	14.291.920.000	14.291.920.000
<b>Cộng</b>	<b>551.135.950.000</b>	<b>551.135.950.000</b>

**5.15.3 Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.113.595	55.113.595
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	55.113.595	55.113.595
+ Cổ phiếu phổ thông	55.113.595	55.113.595
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.113.595	55.113.595
+ Cổ phiếu phổ thông	55.113.595	55.113.595
+ Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Doanh thu bán thành phẩm	313.279.576.882	451.073.171.199
<b>Cộng</b>	<b>313.279.576.882</b>	<b>451.073.171.199</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.517.617.134	564.721.430
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	395.660.869	477.412.339
+ Giảm giá hàng bán	13.650.000	19.345.455
+ Hàng bán bị trả lại	1.108.306.265	67.963.636

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Giá vốn bán thành phẩm	262.853.289.411	363.972.015.808
<b>Cộng</b>	<b>262.853.289.411</b>	<b>363.972.015.808</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.322.304	10.140.195
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		425.312.306
- Lãi chênh lệch tỷ giá	293.264.531	279.352.740
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>298.586.835</b>	<b>714.805.241</b>

**6.5. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Chi phí lãi vay	28.060.410.832	33.377.472.617
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.329.269	65.879.915
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.066.124	-
<b>Cộng</b>	<b>28.092.806.225</b>	<b>33.443.352.532</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**6.6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>21.562.056.905</b>	<b>41.268.280.348</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	33.450.672	1.083.346.750
- Chi phí nhân công	727.317.365	9.873.817.191
- Chi phí khấu hao TSCĐ	116.101.911	196.642.793
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.682.843.942	30.114.473.614
- Chi phí khác bằng tiền	2.343.015	
<b>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.161.518.955</b>	<b>7.507.599.576</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	84.924.441	157.917.322
- Chi phí nhân công	2.135.507.207	3.281.069.267
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.146.396.101	1.490.907.756
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.472.783.241	2.489.146.325
- Chi phí khác bằng tiền	321.907.965	88.558.906

**6.7. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(5.480.309.105)</b>	<b>5.032.006.746</b>
- Lợi nhuận của nhà máy MDF1	14.927.679.137	15.310.145.785
- Lợi nhuận của nhà máy MDF2	(20.407.988.242)	(10.278.139.039)
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>-</b>	<b>108.149.363</b>
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>1.858.010</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>(5.480.309.105)</b>	<b>5.138.298.099</b>
- Thu nhập chịu thuế nhà máy MDF1	14.927.679.137	15.349.425.699
- Thu nhập chịu thuế nhà máy MDF2	(20.407.988.242)	(10.211.127.600)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.027.659.620</b>

**6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(5.480.309.105)	4.004.347.126
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	55.113.595	55.113.595
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(99)</b>	<b>73</b>
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	174.070.178.141	308.204.702.259
- Chi phí nhân công	18.222.175.207	30.183.926.994
- Khấu hao tài sản cố định	27.491.817.257	40.133.938.493
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.106.252.332	83.868.206.527
- Chi phí bằng tiền khác	390.135.563	139.379.363
<b>Cộng</b>	<b>284.280.558.500</b>	<b>462.530.153.636</b>

**6.10 Công cụ tài chính****Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

**Các loại công cụ tài chính**

	30/06/2020 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2020 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.314.346.203	37.836.077.561
Phải thu khách hàng và phải thu khác	118.006.326.199	134.441.875.204
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>124.320.672.402</b>	<b>175.277.952.765</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	633.917.027.914	695.243.384.686
Phải trả người bán và phải trả khác	64.019.725.375	68.252.807.719
Chi phí phải trả	5.041.487.140	5.617.202.121
<b>Cộng</b>	<b>702.978.240.429</b>	<b>769.113.394.526</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(578.657.568.027)</b>	<b>(593.835.441.761)</b>



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

---

Tại ngày 30/6/2020 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### **Quản lí rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

#### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

#### ***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1-5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<b>30/06/2020</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	272.308.381.441	361.608.646.473	633.917.027.914
Phải trả người bán và phải trả khác	64.019.725.375	-	64.019.725.375
Chi phí phải trả	5.041.487.140	-	5.041.487.140
<b>Cộng</b>	<b><u>341.369.593.956</u></b>	<b><u>361.608.646.473</u></b>	<b><u>702.978.240.429</u></b>
<b>01/01/2020</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	333.634.738.213	361.608.646.473	695.243.384.686
Phải trả người bán và phải trả khác	68.252.807.719	-	68.252.807.719
Chi phí phải trả	5.617.202.121	-	5.617.202.121
<b>Cộng</b>	<b><u>407.504.748.053</u></b>	<b><u>361.608.646.473</u></b>	<b><u>769.113.394.526</u></b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1-5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<b>30/06/2020</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.314.346.203	-	3.314.346.203
Phải thu khách hàng và phải thu khác	118.006.326.199	-	118.006.326.199
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>121.320.672.402</u></b>	<b><u>3.000.000.000</u></b>	<b><u>124.320.672.402</u></b>
<b>01/01/2020</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.836.077.561	-	37.836.077.561
Phải thu khách hàng và phải thu khác	134.441.875.204	-	134.441.875.204
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>172.277.952.765</u></b>	<b><u>3.000.000.000</u></b>	<b><u>175.277.952.765</u></b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**6.11 Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh sản xuất là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**6.12 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	16.819,75	66.157,96
EUR	319,75	325,21

**7 Thông tin khác****7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<b>Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT</b>	<b>387.558.070</b>	<b>488.780.880</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	387.558.070	488.780.880

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	19.720.800	19.720.800

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

---


**7.3 Thông tin so sánh**


Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét.



  
**Cao Thanh Nam**  
**Tổng Giám đốc**

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2020

  
**Nguyễn Mạnh Cường**  
**Kế toán trưởng**

  
**Cao Duy Hải**  
**Người lập**



Số 08/MDFQT-TCKT

"V/v giải trình báo cáo tài chính 6 tháng năm 2020"

Quảng Trị, ngày 17 tháng 07 năm 2020

**Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Thực hiện quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 11, Chương III, Thông tư số: 155/2015/TT - BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán: " Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình nguyên nhân xảy ra lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước".

Công ty cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị xin giải trình về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

DVT: 1.000 đồng

T	Nội dung	6 tháng 2020	6 tháng 2019	% thay đổi
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	315,688,674	451,223,255	-30.04%
2	Tổng chi phí	321,168,983	446,191,248	-28.02%
3	Lợi nhuận trước thuế	-5,480,309	5,032,007	-208.91%
4	Lợi nhuận sau thuế	-5,480,309	4,004,347	-236.86%

1- Về doanh thu: Doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 giảm 30,04% so với 6 tháng cùng kỳ năm trước do: Sản lượng tiêu thụ 6 tháng đầu năm 61.253 m<sup>3</sup> bằng 71,9% so cùng kỳ năm trước (85.183) và chỉ đạt 30% kế hoạch năm. Đi đôi với sản lượng tiêu thụ giảm thì giá bán cũng giảm theo cụ thể giá bán bình quân 6 tháng đầu năm 2020 là 4.797.870 đồng/m<sup>3</sup> giảm 4,43% so cùng kỳ năm trước (5.020.181 đồng/m<sup>3</sup>) và giảm 2,31% so kế hoạch đề ra. Ngược lại chi phí bình quân trên đơn vị sản phẩm tiêu thụ cao hơn so kế hoạch 2,39% do chi phí tài chính cao nhưng sản lượng tiêu thụ thấp.

Đặc biệt thị trường tiêu thụ những tháng đầu năm 2020 hết sức khó khăn một phần do thời gian nghỉ lễ tết, sản lượng tiêu thụ giảm, đồng thời với sự ảnh hưởng của dịch virus Corona xuất hiện đã làm ảnh hưởng đến thị trường xuất nhập khẩu ngành gỗ nói chung và tình hình tiêu thụ sản phẩm gỗ MDF của Công ty nói riêng. Vì vậy 6 tháng đầu năm nay doanh số thấp hơn so cùng kỳ năm trước.

2- Về tổng chi phí: Tổng chi phí 6 tháng đầu năm giảm 28,02% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu giảm sản lượng sản xuất so cùng kỳ tương ứng chi phí giảm trên.

3- Vì vậy lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 lỗ 4,48 tỷ đồng do sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm mạnh nên doanh thu không thể bù đắp chi phí, đặc biệt chi phí



lãi vay không giảm theo sản lượng mà còn cao thêm so cùng kỳ do vốn ứ đọng trong tiêu thụ.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị về chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước.

Xin trân trọng cảm ơn !

*Nơi nhận :*

- Như trên;
- Lưu : VT, TCKT.



**Cao Thanh Nam**

